TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 165/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 27 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 231/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Trương Công T, sinh năm 1989. Địa chỉ: C T, phường A, Tp Đà Nẵng.

- Bà Trương Thị Hoài T1, sinh năm 1990. Địa chỉ: C T, phường A, Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Công T và bà Trương Thị Hoài T1 kết hôn vào năm vào năm 2015, tại UBND phường N, quận H, Tp Đà Nẵng. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế không thể giải quyết được, điều kiện sinh sống khó khăn, thu nhập bấp bênh, không đủ trang trải cuộc sống nên thường xuyên xảy ra bất đồng, không hòa hợp trong cách sống, mâu thuẫn không giải quyết được, không thể hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài được cuộc sống chung. Nay ông T và bà T1 không thể tiếp tục chung sống, nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho ông bà thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Trương Công T và bà Trương Thị Hoài T1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trương Công T và bà Trương Thị Hoài T1 là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Trương Công T và bà Trương Thị Hoài T1 có 02 con chung tên Trương Tuấn K, sinh ngày 11/8/2015 và Trương Bảo N, sinh ngày 10/6/2017. Ly hôn, bà T1 và ông T đã thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con chung cho ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy sự thỏa thuận của bà T1 và ông T là hoàn toàn tự nguyện và không vi

phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Công T và bà Trương Thị Hoài T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Lệ phí Tòa án: Ông Trương Công T và bà Trương Thị Hoài T1 mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Công T và bà Trương Thị Hoài T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2015, quyển số 01/2013 đăng ký ngày 17/3/2015 của UBND phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ))

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trương Tuấn K, sinh ngày 11/8/2015 và Trương Bảo N, sinh ngày 10/6/2017 cho ông Trương Công T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trương Thị Hoài T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vẫn có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trương Công T và bà Trương Thị Hoài T1 mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0003442 ngày 10/10/2025, ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- UBND phường An Khê, TP Đà Nẵng;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Bàng